TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quân.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thanh Loan
Bà Võ Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Diệu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 151/2024/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2024, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 2002; Địa chỉ: thôn K, xã P, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: ông Phạm Văn M, sinh năm 1998; Địa chỉ: khối phố D, thị trấn T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Bà T có mặt, ông M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh T trình bày: Bà và ông Phạm Văn M tự nguyện kết hôn vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Về nuôi con chung, vợ chồng có 01 con chung là Phạm Nhật Q, sinh ngày 22-11-2020. Hiện nay cháu Q đang ở với bà T. Khi ly hôn bà T có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi trưởng thành. Trước đây bà có yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng nay bà thấy bà có khả năng nuôi con được nên không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn. Về chia tài sản, bà T không yêu cầu giải quyết. Về nợ

chung, vợ chồng khi chung sống không có nợ chung nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Văn M không đến tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa theo thông báo của Tòa án và không có ý kiến hay lời trình bày gì đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Đương sự là bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, căn cứ các Điều 56 và 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà T về hôn nhân và con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị Minh T xin ly hôn với ông Phạm Văn M, hiện ông M cư trú tại thị trấn T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyết giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn ông Phạm Văn M đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông M.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T và ông Phạm Văn M tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2020 tại UBND thị trấn T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà T và ông M thì thấy: Bà T trình bày bà và ông M chung sống được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Nay hai bên đã không còn chung sống với nhau, phần ai nấy sống và mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên họp hoà giải để vợ chồng bà T, ông M hàn gắn tình cảm nhưng ông M không đến tham gia. Ông M cũng không có ý kiến gì về vấn đề hôn nhân của ông bà, chứng tỏ ông không quan tâm và không có thiện chí để hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua xác minh nơi ông M sinh sống thì Hội liên hiệp Phụ nữ thị trấn T không có thông tin gì về nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông M.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông M đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

2.2. Về nuôi con chung: bà T và ông M có 01 con chung là Phạm Nhật Q, sinh ngày 22-11-2020. Bà T khai hiện nay cháu Q đang ở cùng bà. Khi ly hôn, bà có yêu

cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q đến khi trưởng thành. Qua các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, ông M vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu gì của ông về vấn đề con chung. Xét thấy, bà T đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, cháu vẫn phát triển bình thường. Như vậy, việc giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

Bà T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về chia tài sản: Bà T không có yêu cầu giải quyết về chia tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.4. Về nợ chung: Bà T khai bà và ông M không có nợ chung và không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh T.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Minh T ly hôn với ông Phạm Văn M.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung là Phạm Nhật Q, sinh ngày 22-11-2020 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông M không cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn.

Ông M có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Minh T phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0018030, ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/4/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND tt. T;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Quân